

Xuân Lộc, ngày 02 tháng 5 năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT DỰ KIẾN

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản bị ảnh hưởng bởi Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành đoạn qua xã Xuân Hoà

Họ và tên người sử dụng đất:	Bà Nguyễn Thị Lãnh
Số định danh cá nhân/ Căn cước công dân:	051163000994
Địa chỉ:	Ấp Trung Nghĩa, xã Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai
Số điện thoại:	09.02.759.679
Vị trí đất thu hồi:	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m
Diện tích thu hồi:	2.761,00 m2
Loại đất thu hồi:	đất trồng cây hàng năm khác (HNK)
Nguồn gốc đất thu hồi:	Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 205 (tờ bản đồ 94 xã Xuân Tâm cũ), diện tích 9.048,1m2, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây hàng năm khác (HNK) được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 482638 ngày 12/04/2023 cho bà Nguyễn Thị Lãnh. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp. Trong phạm vi thu hồi đất có công trình vật kiến trúc xây dựng 2012.

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

I. ĐẤT ĐAI: Đơn giá theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai; (Giấy xác nhận nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi Số 39 ngày 26/4/2026 của UBND xã Xuân Hoà); PLI-847 (30.12) - 25. Xuân Hoà - TT.21										
STT	Số thửa	Số tờ	ĐVT (m2)	Loại đất	Vị trí	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường (347)
1	226	205	m ²	HNK	1	220.000	2.761,000	100%	607.420.000	
Tổng đất đai:							2.761,000		607.420.000	
II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ										Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
2	Hỗ trợ ổn định đời sống: (tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp thu hồi)						theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1 điều 10 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025			
	Thu hồi 30% - 70% đất NN	Có di chuyển chỗ ở	không di chuyển chỗ ở	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá 1kg gạo là 20.000 đồng x 30 kg	Số nhân khẩu	Hỗ trợ so với đơn giá	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường	
	trên 30%		x	6	600.000	1	0,5	1.800.000		
Tổng chính sách hỗ trợ:								1.800.000		
III. NHÀ, VẬT KIẾN TRÚC: xây dựng năm 2012										
STT	Danh mục tài sản			ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường	

1	Ống nhựa PVC D21		m	7.100	595,00	100%	4.224.500	áp Ống nhựa uPVC D21x1.6mm (922) Phụ lục 2- BẢO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI THÁNG 1, THÁNG 2 NĂM 2026
2	Trụ sắt trắng kẽm D42 cao 6m		trụ	403.200	4	100%	1.612.800	tính tam suất trụ điện bằng ống sắt trắng kẽm D90
3	Giếng khoan Φ 140, ống chống nhựa		mét	864.000	70,00	100%	60.480.000	-
4	Dây điện D 2.5 lõi thép		m	29.150	172,00	100%	5.013.800	áp Dây điện VCmt 3x2.5mm2 300/500V (492) Phụ lục 2- BẢO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI THÁNG 1, THÁNG 2 NĂM 2026
Tổng nhà, vật kiến trúc:							71.331.100	

IV. CÂY TRỒNG

STT	Tên cây trồng	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	Cây khoai mì	ha	90.000.000	0,009000	100%	810.000	Cây nhân Năm thu hoạch thứ 4 là cây trồng chính, với diện tích 2761,0m2 tương ứng với 110 cây (mật độ là 240 cây/ha). Số cây còn lại vượt mật độ tuy nhiên Tại khoản 4 điều 2 của Quyết định 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai -->(tối đa <=110 Cây nhân Năm thu hoạch thứ 4 x 1.329.496đ x 1,5 = 219.366.840 đ
2	Cây chuối	ha	280.000.000	0,0015	100%	420.000	
3	Cây mít Năm thu hoạch thứ 4	cây	1.150.540	5	100%	5.752.700	
4	Cây nhân Năm thu hoạch thứ 4	cây	1.329.496	110	100%	146.244.560	
	Cây nhân Năm thu hoạch thứ 4	cây	1.329.496	9	100%	11.965.464	
Tổng cây trồng, hoa màu:						165.192.724	
V. THUỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN						20.000.000	Khoản 4, điều 15 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V):						865.743.824	

VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ, GIÁ BÁN NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ CHO NGƯỜI ĐƯỢC BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ HOẶC GIAO ĐẤT KHÁC CHO HỌ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (NẾU CÓ): Không có

KHOẢN TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRỪ VÀO TIỀN BỒI THƯỜNG ĐẤT (NẾU CÓ): Xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Thuế cơ sở 1 Tỉnh Đồng Nai xác định.

TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP VÀO SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (NẾU CÓ): 865.743.824 đồng

SỐ TIỀN ĐƯỢC GHI NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI ĐƯỢC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ (NẾU CÓ): Không có